

Bản án số: **06/2019/HC-PT**

Ngày: 08 – 01- 2019

V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 162/2018/TLPT-HC ngày 21 tháng 05 năm 2018 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162.3/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Châu T.

Địa chỉ: 99A N, thành phố B, Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* **Bà Châu Thị Kim T**; địa chỉ: 99D N, thành phố B, Đắk Lắk; có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Lưu Văn K – Phó Chủ tịch thành phố; vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Quang H – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Thanh B và bà Nguyễn Thị Xuân H; cùng địa chỉ: thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện và đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trình bày:*

Ngày 23/9/2014 ông Trần Châu T nhận chuyển nhượng 512,7m² thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Sau đây viết tắt là thửa đất 167) của ông Huỳnh Thanh B và bà Nguyễn Thị Xuân H. Việc chuyển nhượng đã hoàn thành và được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Sau đây viết tắt là: UBND thành phố B) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) số BP 121052 mang tên ông Châu Văn T. Đến tháng 4/2015 ông T tách thửa số 167 thành hai thửa đất, đó là thửa 193, tờ bản đồ số 34, diện tích 335,8m² số BT 976498 ngày 20/4/2015 và thửa đất số 167, tờ bản đồ số 34 diện tích 167,9m² đã được UBND thành phố B cấp giấy CNQSDĐ.

Thời gian vừa qua, UBND phường T, ban tự quản và các hộ dân buôn A đã tự làm đường hẻm bê tông đi qua diện tích đất của ông T thì ông phát hiện một

phần con đường có chiều rộng 2m, dài 18,5m, đã nằm trong phần quyền sử dụng đất của ông T theo GCNQSDĐ số BT 976498 thuộc thửa đất 193, tờ bản đồ số 34, diện tích 355,8 m². Sau nhiều lần khiếu nại thì UBND thành phố B đã ban hành Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 28/02/2017 (Sau đây viết tắt là: Công văn 442) về việc giải quyết đơn của ông T và cho rằng UBND thành phố B đã có công văn của Phòng Quản lý đô thị số 1579/UBND-QLĐT giao hẻm rộng 02m nêu trên cho UBND phường T tiếp nhận, quản lý, sử dụng làm đường đi nội bộ, đồng thời yêu cầu ông T phải nộp giấy CNQSDĐ để tách phần đất đã làm đường ra khỏi lô đất mà ông T đang sử dụng.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại tại Công văn 442 của UBND thành phố B và cho rằng nội dung công văn này đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn 442 với lý do: Khi ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông B, bà H thì hai bên không thỏa thuận để lại 02m x 18,5m đất để làm đường đi như đã trình bày phần trên; Mặt khác, việc chuyển nhượng đất được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã hoàn thành, UBND thành phố B đã cấp GCNQSDĐ cho ông T được quyền sử dụng với tổng diện tích 512,7m². Việc UBND thành phố cho rằng phần diện tích 42m² đất đã được bà T1 (là người chuyển nhượng đất cho ông B, bà H trước đây) tự nguyện bỏ ra làm đường đi trong buôn A thì phải được UBND thành phố thu hồi và tách phần đất làm đường vào thời điểm bà T1 tự nguyện hiến đất. Do vậy việc UBND thành phố B yêu cầu ông T giao nộp GCNQSDĐ để tách phần đất làm đường thì ông không đồng ý.

Theo bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố B trình bày:

Đoạn đường có chiều rộng 2m x 18,5m như ông T trình bày thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 34, diện tích 335,8m² (tách ra từ thửa 167) do ông Trần Châu T nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Huỳnh Thanh B, bà Nguyễn Thị Thanh H. Nguồn gốc thửa đất này do ông B và bà H nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T1 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/2012.

Tuy nhiên, trước đây bà T1 và già làng Buôn A là ông A (chủ sử dụng đất liền kề) có thỏa thuận giành một phần đất 2m chiều ngang mặt tiền kéo dài hết lô đất để làm đường cho nhân dân trong Buôn đi lại (lúc này đã hình thành đường mòn). Do chưa thực hiện việc tách riêng phần đất trên GCNQSDĐ nên khi bà T1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà H thì các bên đã thỏa thuận: Phần đất 02 mét nói trên sẽ được trừ ra để làm đường đi lại cho bà con trong buôn, thỏa thuận này được ghi trong giấy đặt cọc bán đất, do ông B, bà H cất giữ. Bà H cũng xác nhận rằng: Trước khi chuyển nhượng đất cho ông Châu Văn T thì hai bên đã thỏa thuận về việc trừ 2m ngang kéo dài hết lô đất để làm con đường như nội dung mà các hộ chuyển nhượng trước đây đã thỏa thuận. Mặt khác, từ năm 2013, một số hộ dân trong Buôn đã kiến nghị lên UBND thành phố đề nghị giải quyết về con đường đi nêu trên và UBND phường T đã xác nhận việc bà T1 đã hiến 2m chiều rộng trên lô đất này để làm con đường (có biên bản làm việc ngày 09/7/2013). Từ những cơ sở đã nêu trên, UBND thành phố B đã ban hành Công văn số 1549/UBND-QLDT ngày 26/9/2013 về việc giải quyết : *“...đề nghị các hộ sử dụng đường hẻm rộng 2m thuộc thửa đất 164, tờ bản đồ số 34, phường T của hộ bà Nguyễn Thị T1 đã tự nguyện bỏ ra để làm lối đi chung. Giao cho UBND phường T tiếp nhận phần diện tích 2m thuộc phạm vi thửa đất 164, tờ bản đồ số 34, phường T của bà Nguyễn Thị T1 đã hiến để quản lý sử dụng làm đường đi nội bộ lối đi chung”*.

Quan điểm của UBND thành phố B là vẫn giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại và Công văn số 442. Tuy nhiên, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì đến ngày 19/3/2018 đại diện người khởi kiện UBND thành phố B có văn bản nêu ý kiến và giải thích một phần nội dung Công văn 442 nộp cho Tòa án, với nội dung là *“...UBND thành phố đề nghị ông nộp GCNQSDĐ số CH-100373 do UBND thành phố cấp ngày 20/4/2015 để tách phần diện tích đất đã làm đường ra khỏi thửa đất 193, tờ bản đồ số 34 theo đúng thực tế”*. Nội dung này chỉ mang tính hướng dẫn trình tự thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ khi có biến động về diện tích, không thể hiện tính yêu cầu bắt buộc phải thực hiện, không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền lợi của ông Trần Châu Toàn. Vì vậy, trong trường hợp

ông không đồng ý vì cho rằng ảnh hưởng quyền và lợi ích thì ông có quyền khởi kiện chủ sử dụng trước và vụ việc này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp.

- Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh B và bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Ngày 12/9/2012, vợ chồng ông B bà H có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T1 lô đất có diện tích 512,7m² thuộc thửa đất số 167. Khi sang nhượng, bà T1 đã thông báo cho vợ chồng ông B là đã hiến tặng 02m đất (mặt đường N) cho dân ở trong Buôn A để bà con có đường hẻm đi ra đường N, việc bà T1 hiến tặng có văn bản tại phường T, nên vợ chồng ông B cũng đồng ý và bà T1 không tính tiền giá trị 02m nói trên. Đến ngày 29/3/2014, vợ chồng ông B chuyển nhượng lô đất này cho ông Trần Châu T. Trước khi chuyển nhượng, vợ chồng tôi đã chỉ rõ vị trí 02m đất mà bà T1 đã hiến tặng làm đường nói trên cho ông T và mẹ ông T (bà Thuận) và thực tế phần đất này mặc dù đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã hình thành con đường mà người dân trong buôn thường xuyên đi lại. Hai bên đồng ý và tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng và vợ chồng tôi không tính tiền phần đất 02m này nữa.

Nay ông Trần Châu T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 442 của Ủy ban nhân dân thành phố B, thì vợ chồng ông B không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Ngày 08/6/2011, bà T1 có chuyển nhượng (Giấy sang nhượng không có công chứng) lô đất diện tích 512,7m² thuộc thửa đất số 167 cho ông Huỳnh Mai (do ông Huỳnh Thanh B và bà Nguyễn Thị Xuân H mua cho bố). Đặc thù thửa đất có 02 mét mặt đường N, thì bà T1 để giành làm đường đi cho bà con trong Buôn A Kô Đông theo thỏa thuận với Già làng. Do điều kiện chưa tách sổ được nên phần đất này vẫn nằm trong diện tích GCNQSDĐ đã cấp cho bà T1. Đến ngày 12 tháng 9 năm 2012, bà T1 và vợ chồng ông B - bà H làm hợp đồng chuyển nhượng lô đất

này, khi chuyển nhượng các bên đã thỏa thuận, phần diện tích đất có kích thước 2m mặt đường N sẽ được trừ ra để làm đường đi lại cho bà con trong buôn, thỏa thuận này được ghi trong giấy đặt cọc bán đất do ông B, bà H cất giữ, ông B và bà H không được sử dụng 2m đất này, trừ trường hợp có con đường Nguyễn Công Hoan nối dài, có đường đi cho Buôn rồi thì được quyền xử lý vì 2m đất này bà T1 đã hiến tặng nên không nói chuyện mua bán. Sự việc này bà T1 cũng trình bày tại UBND phường T và bà T1 khẳng định 2m đất nói trên bà T1 với anh Bình, chị Hương đã thống nhất không mua bán.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Điều 158 và điểm b khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trần Châu T.

[2] Hủy toàn bộ công văn số 442/UBND-TNMT ngày 28/02/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 09/4/2018, người bị kiện (Chủ tịch UBND thành phố Buôn Mê Thuật) kháng cáo đề nghị: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk vì: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là một Quyết định hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ngày 09/4/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định số 228/QĐ-VKS-HC kháng nghị

phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện vì: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát để hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của người bị kiện (Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B) cho rằng: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là một Quyết định hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định kháng nghị số 228/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thì thấy:

[1.1] Do ông Trần Châu T có đơn phản ánh việc UBND phường T, Ban tự quản và nhân dân buôn A tự ý lấy 42m² đất của gia đình ông để làm đường đi là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông vì diện tích đất này ông nhận chuyển nhượng hợp pháp và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Để giải quyết khiếu nại của ông Trần Châu T, ngày 23/02/2017 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 442/UBND-TNMT trả lời đơn của ông Trần Châu T (sau đây gọi là Công văn số 442). Xét Công văn số 442 có phải là một Quyết định hành chính hay không thì thấy:

[1.2]. Về hình thức: Công văn số 442 là văn bản do Chủ tịch UBND thành phố B ban hành được áp dụng cho một đối tượng cụ thể là ông Trần Châu T nên theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì công văn số 442 là Quyết định hành chính.

[1.3]. Về nội dung: Công văn số 442 là quyết định hành chính do Chủ tịch UBND thành phố B ban hành có chứa đựng nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T hay không thì thấy:

* Ông T và Chủ tịch UBND thành phố B đều thừa nhận diện tích đất 42m² mà UBND phường T, Ban tự quản và nhân dân buôn A lấy để làm đường đi là diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Tại Công văn số 442, Chủ tịch UBND thành phố Buôn Mê Thuột đã xác định: *“N như vậy, việc hình thành và đầu tư xây dựng đoạn đường bê tông có chiều ngang 2m giáp đường N (thuộc một phần thửa đất số 193, tờ bản đồ số 34 được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Châu T) là trên cơ sở thỏa thuận giữa các chủ sử dụng đất với cộng đồng và Ban tự quản buôn A trước khi ông Trần Châu T nhận chuyển nhượng. Vì vậy, UBND thành phố không có căn cứ để yêu cầu cộng đồng dân cư buôn A trả lại diện tích 42m² đất theo yêu cầu của ông tại đơn kiến nghị ngày 10/10/2016”*.

* Với nội dung được trích dẫn ở trên, thì có cơ sở để khẳng định Chủ tịch UBND thành phố B đã xác định: Diện tích đất 42m² mà ông T đã được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là của ông T; nên Công văn số 442 cũng nêu rõ: “UBND thành phố đề nghị ông nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH-010373 do UBND thành phố cấp ngày 20/04/2015 để tách phần diện tích đất đã làm đường ra khỏi thửa đất số 193, tờ bản đồ số 34 theo đúng thực tế”.

[2]. Như vậy, Công văn số 442 về hình thức là Quyết định hành chính, có chứa đựng nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T nên theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì Công văn số 442 là Quyết định hành chính bị kiện. Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định Công văn số 442 là Quyết định hành chính bị ông T khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

[3]. Từ những phân tích nói trên, có căn cứ để khẳng định: Kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố B cho rằng: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là một Quyết định hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định kháng nghị số 228/QĐ-VKS-HC của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố B, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Châu T. Hủy toàn bộ Công văn số 442/UBND-TNMT ngày 23/02/2017 V/v: “trả lời đơn của ông Trần Châu T” của Chủ tịch UBND thành phố Buôn Mê Thuột.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Chủ tịch UBND thành phố B phải chịu 300.00 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0006330 ngày 03/5/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Án phí sơ thẩm và các Quyết định khác được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2018/HC-ST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến